

KÝ HIỆU  
NOTATION

12m/BG10-78/CD(CK)-B(T)04

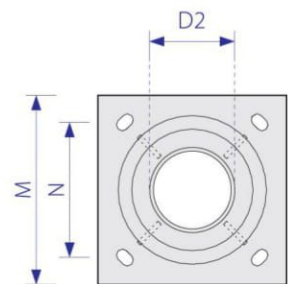
Chiều cao lắp đặt  
Mounting Height

Cột bát giác BG10-78  
Octagonal Steel Pole BG10-78

Cần đơn (CD) hoặc kép (CK)  
Single (CD) or double arm (CK)

Tiết diện bát giác (B) hoặc tròn (T), kiểu 04  
Octagonal (B) or Circular profile (T), 04 type

ĐỂ CỘT  
BASE PLATE



### CỘT THÉP BÁT GIÁC CÔN BG... -78

BG... -78 OCTAGONAL TAPERED STEEL POLES

Tên gọi Items	H m	T mm	D1 mm	D2 mm	PxQ mm	F daN	N mm	M/K mm	J mm	Hm x C m
BG 05-78	5	3.0	82	132	85 x 350	80	240	300/10	KM16-240	1.0 x 0.7
BG 06-78	6	3.0	82	142	85 x 350	90	300	400/12	KM24-300	1.0 x 0.8
BG 07-78	7	3.5	83	153	85 x 350	105	300	400/12	KM24-300	1.0 x 0.8
BG 08-78	8	3.5	83	163	95 x 350	125	300	400/12	KM24-300	1.2 x 1.0
BG 09-78	9	4.0	84	174	95 x 350	130	300	400/12	KM24-300	1.2 x 1.0
BG 10-78	10	4.0	84	184	95 x 350	135	300	400/12	KM24-300	1.2 x 1.0
BG 11-78	11	4.5	84	194	95 x 350	140	300	400/14	KM24-300	1.2 x 1.0

### CỘT THÉP TRÒN CÔN TC... -78

TC... -78 CIRCULAR TAPERED STEEL POLES

Tên gọi Items	H m	T mm	D1 mm	D2 mm	PxQ mm	F daN	N mm	M/K mm	J mm	Hm x C m
TC 05-78	5	3.0	85	138	85 x 350	79	240	300/10	KM16-240	1.0 x 0.7
TC 06-78	6	3.0	85	148	85 x 350	89	300	400/12	KM24-300	1.0 x 0.8
TC 07-78	7	3.5	86	160	85 x 350	104	300	400/12	KM24-300	1.0 x 0.8
TC 08-78	8	3.5	86	170	95 x 350	124	300	400/12	KM24-300	1.2 x 1.0
TC 09-78	9	4.0	87	182	95 x 350	129	300	400/12	KM24-300	1.2 x 1.0
TC 10-78	10	4.0	87	192	95 x 350	134	300	400/12	KM24-300	1.2 x 1.0
TC 11-78	11	4.5	87	203	95 x 350	139	300	400/14	KM24-300	1.2 x 1.0